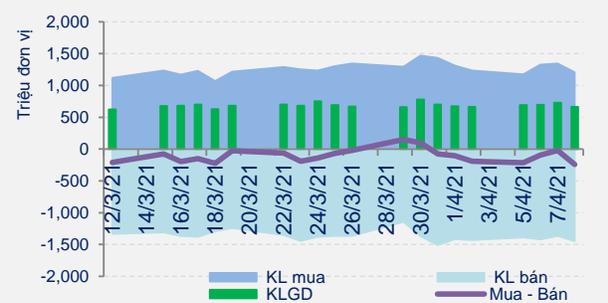
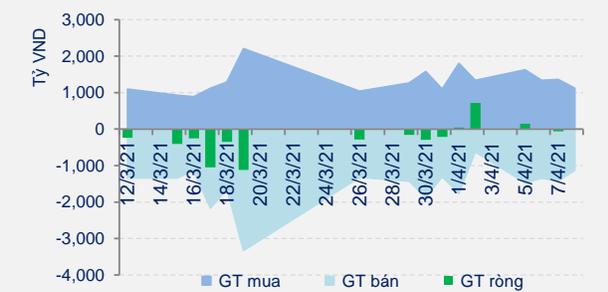


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,234.89	293.75
% Thay đổi	↓ -0.60%	↑ 0.31%
KLGD (CP)	664,507,710	183,298,861
GTGD (tỷ đồng)	14,523.01	3,009.25
Tổng cung (CP)	1,446,453,100	273,317,400
Tổng cầu (CP)	1,204,831,900	247,966,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	26,419,800	1,117,591
KL mua (CP)	26,598,800	2,045,500
GTmua (tỷ đồng)	1,118.29	45.34
GT bán (tỷ đồng)	1,129.05	17.60
GT ròng (tỷ đồng)	(10.76)	27.74

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.20%	17.4	3.0	1.4%
Công nghiệp	↑ 0.20%	18.7	2.6	11.1%
Dầu khí	↑ 0.07%	-	2.1	3.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.02%	-	5.3	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.49%	15.2	2.4	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.50%	18.4	4.1	9.0%
Ngân hàng	↓ -1.06%	12.7	2.5	26.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.42%	17.5	2.3	11.9%
Tài chính	↓ -0.59%	20.8	3.4	31.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.41%	15.2	2.4	2.3%
VN - Index	↓ -0.60%	19.3	3.0	
HNX - Index	↑ 0.31%	18.6	3.9	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay, chấm dứt chuỗi 8 phiên tăng điểm liên tiếp. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,49 điểm (-0,6%) xuống 1.234,89 điểm; HNX-Index tăng 0,91 điểm (+0,31%) lên 293,75 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 16.121 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 812 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 313 mã tăng, 135 mã tham chiếu, 346 mã giảm. Thị trường tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, nhưng áp lực bán ngay sau đó đã khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ. Về chiều, VN-Index chủ yếu đi ngang khi hệ thống đã bị nghiền. Biến động các cổ phiếu cũng không có nhiều thay đổi so với buổi sáng khi sắc đỏ vẫn chiếm chủ đạo. Hầu hết các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng, bất động sản, xây dựng, dầu khí nhìn chung đều giảm điểm, nhưng mức giảm là không quá lớn. Nhóm chứng khoán cũng giao dịch phân hóa với sắc đỏ chiếm chủ đạo, dù vậy bộ đôi SHS (+1,3%), VND (+4,4%) tiếp tục thu hút dòng tiền khá tốt và ngược dòng bứt phá. Nỗ lực của một vài cổ phiếu lớn như VPB (+0,4%), PLX (+0,2%), HVN (+0,9%), NVL (+0,8%), HDB (+1,1%) là không đủ giúp VN-Index giữ được sắc xanh. Trong phiên hôm nay, nhóm thép cũng đáng chú ý với nhiều mã ngược dòng tăng điểm như HSG (+1%), NKG (+0,4%), POM (+0,3%), TVN (+2,1%).

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường điều chỉnh trở lại trong phiên hôm nay sau chuỗi 8 phiên tăng điểm liên tiếp. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra đã xuất hiện nhưng chưa thực sự mạnh. Và biên độ dao động trong phiên hôm nay vẫn nằm trong biên độ của cụm nền trước đó trong khoảng 1.230-1.245 điểm. Trên góc độ kỹ thuật, thị trường đang bước vào giai đoạn cuối của sóng 5 với target dự kiến tại 1.250+- điểm và thời gian hoàn thành sóng dự kiến trong nửa đầu tháng 4/2021. Việc chỉ còn khoảng 1 tuần nữa là kết thúc sóng tăng 5 nên đây là thời điểm quan trọng để quan sát xem thị trường có vượt được ngưỡng 1.250+- điểm để nối dài sóng tăng 5 hay sẽ điều chỉnh tại đây với sóng a. Trong phiên giao dịch cuối tuần 9/4, thị trường có thể tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với target của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm. Nhà đầu tư trung hạn quan sát thị trường và có thể canh chốt lời dần khi thị trường đạt tới 1.250+- điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên 24/3, 25/3, 26/3 cũng quan sát thị trường và canh chốt lời tại 1.250+- điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

8/4/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.246,4 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.232,26 điểm. Về chiều, hệ thống bị nghẽn khiến chỉ số chủ yếu đi ngang. Kết phiên, VN-Index giảm 7,49 điểm (-0,6%) xuống 1.234,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.300 đồng, VCB giảm 1.900 đồng, BID giảm 750 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 291,128 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng ở một số cổ phiếu trụ cột giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 294,256 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,91 điểm (+0,31%) lên 293,75 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 200 đồng, NVB tăng 600 đồng, IDC tăng 700 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 1.300 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,85 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 334,5 nghìn cổ phiếu. BID là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 37,7 tỷ đồng tương ứng với 829 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 30,2 tỷ đồng tương ứng với 303 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 71,9 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 28,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 931 nghìn cổ phiếu. VND là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 19,5 tỷ đồng tương ứng với 555 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 10,3 tỷ đồng tương ứng với 325 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCN là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 139 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**The Straits Times: ASEAN+3 sẽ tiếp tục là phần quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu**

Xuất khẩu của 13 quốc gia ASEAN+3 hiện chiếm khoảng một nửa giá trị chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này phản ánh sự liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực và thương mại quốc tế.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực chốt lời đã xuất hiện nhưng chưa thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật hiện tại vẫn là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% của sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% của sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement của 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm với target quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được trong nửa đầu tháng 4/2021.

Do đó, xu hướng trung hạn tiếp tục được đánh giá tích cực cho đến khi sóng tăng 5 kết thúc (sóng tăng 5 chỉ xác nhận là kết thúc khi nó đạt đến target quanh 1.250 điểm hoặc kết thúc nửa đầu tháng 4/2021), tùy theo điều kiện nào đến trước. Trong phiên giao dịch cuối tuần 9/4, thị trường có thể tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với target của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.200 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.165 điểm (MA50). Vùng hợp lưu của hai ngưỡng hỗ trợ trên là điểm mua cho các vị thế trong ngắn hạn nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về đây. Tuy nhiên, xác suất thị trường điều chỉnh về đây trước khi hoàn tất sóng tăng 5 là khá thấp do thời hạn hoàn thành sóng này chỉ còn khoảng 1 tuần nữa.



## TIN TRONG NƯỚC

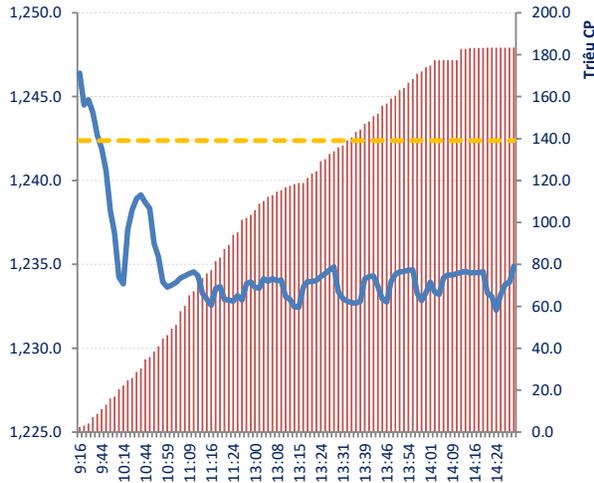
<b>Giá vàng trong nước tăng</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 54,9 - 55,3 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 8 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 8/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.221 VND/USD, giảm tiếp 8 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

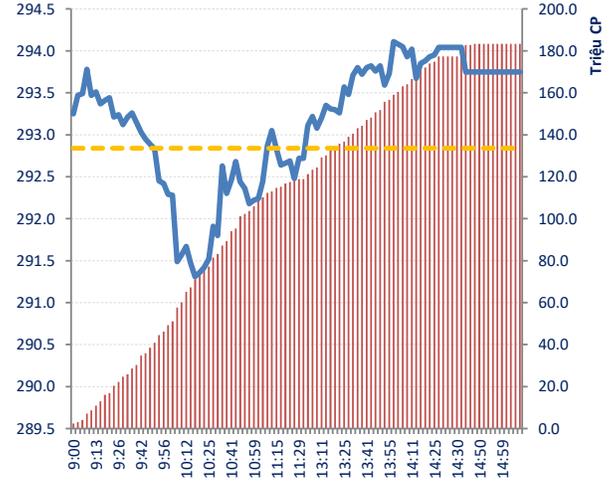
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,45 USD/ounce tương ứng với 0,16% lên 1.744,4 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,122 điểm tương ứng 0,13% xuống 92,350 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1880 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3742 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 109,47 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,31 USD/thùng tương ứng với 0,52% xuống 59,46 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/4, chỉ số Dow Jones tăng 16,02 điểm tương ứng 0,05% lên 33.446,26 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 9,54 điểm tương ứng 0,07% xuống 13.688,84 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 6,01 điểm tương ứng 0,15% lên 4.079,95 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

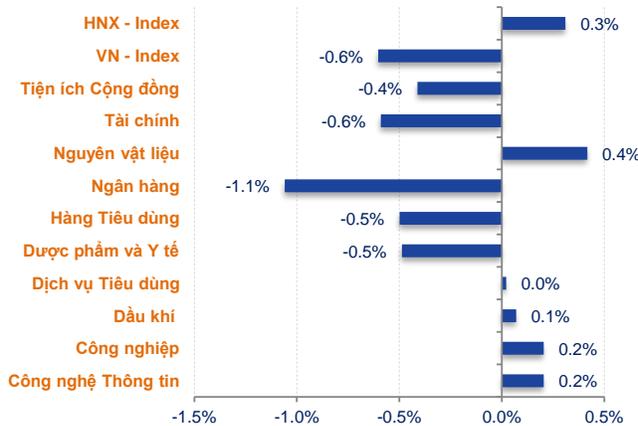
KLGD và VN-Index trong phiên



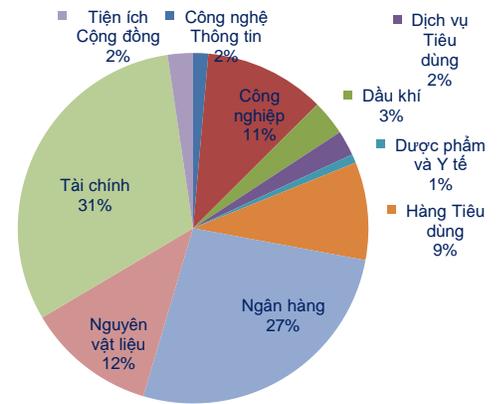
KLGD và HNX-Index trong phiên



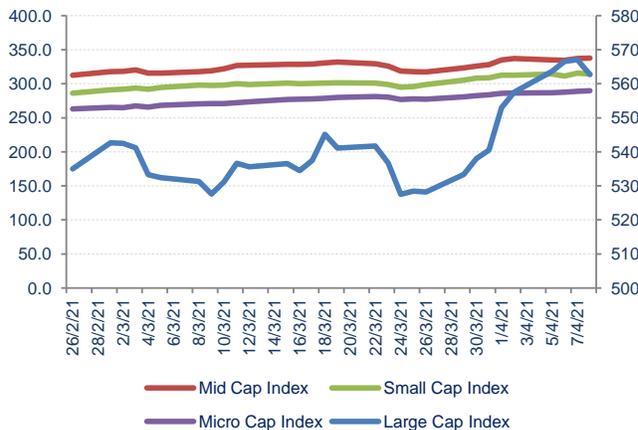
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



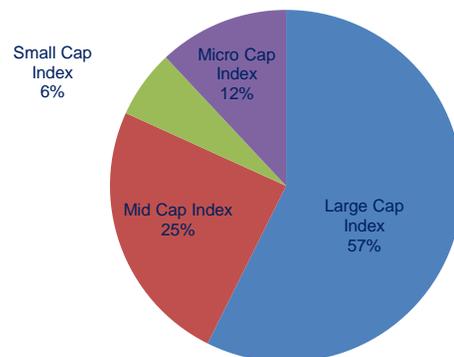
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	2,032,800	KDH	945,500
2	STB	855,200	DXG	906,300
3	HPG	537,400	BID	829,400
4	HDB	488,400	CTG	624,300
5	POW	401,500	CII	525,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	554,700	CVN	139,200
2	SHS	325,300	PPS	80,400
3	ACM	275,400	PMB	50,200
4	TC6	54,900	PVC	47,500
5	TIG	42,100	PVS	36,730

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	5.03	5.29	↑ 5.17%	38,376,700
FLC	11.50	11.80	↑ 2.61%	35,432,300
STB	22.30	22.20	↓ -0.45%	26,685,400
HQC	3.72	3.56	↓ -4.30%	23,320,000
MBB	31.80	31.20	↓ -1.89%	22,526,496

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	25.00	25.20	↑ 0.80%	18,081,388
ACM	3.00	3.30	↑ 10.00%	14,994,282
ART	11.10	10.20	↓ -8.11%	13,847,723
PVS	24.00	24.00	→ 0.00%	12,091,386
KLF	4.40	4.40	→ 0.00%	11,749,453

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDG	4.16	4.45	0.29	↑ 6.97%
HAS	13.65	14.60	0.95	↑ 6.96%
BTT	46.10	49.30	3.20	↑ 6.94%
HVX	4.47	4.78	0.31	↑ 6.94%
DLG	3.03	3.24	0.21	↑ 6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
V21	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
ACM	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
VFG	50.30	55.30	5.00	↑ 9.94%
HKT	7.10	7.80	0.70	↑ 9.86%
MCF	11.20	12.30	1.10	↑ 9.82%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAH	8.00	7.44	-0.56	↓ -7.00%
RIC	28.65	26.65	-2.00	↓ -6.98%
CLW	27.20	25.30	-1.90	↓ -6.99%
LGL	7.79	7.25	-0.54	↓ -6.93%
PMG	41.40	38.55	-2.85	↓ -6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	40.70	36.70	-4.00	↓ -9.83%
SPI	19.40	17.50	-1.90	↓ -9.79%
HLY	18.80	17.00	-1.80	↓ -9.57%
KDM	9.70	8.80	-0.90	↓ -9.28%
ART	11.10	10.20	-0.90	↓ -8.11%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	38,376,700	0.0%	2	3,333.7	0.5
FLC	35,432,300	3250.0%	225	51.0	0.6
STB	26,685,400	9.6%	1,487	15.0	1.4
HQC	23,320,000	0.2%	20	184.7	0.4
MBB	22,526,496	18.4%	2,984	10.7	1.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	18,081,388	12.3%	1,552	16.1	1.8
ACM	14,994,282	0.0%	2	1,276.4	0.4
ART	13,847,723	0.1%	16	685.7	1.0
PVS	12,091,386	4.8%	1,306	18.4	0.9
KLF	11,749,453	0.1%	13	345.5	0.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDG	↑ 7.0%	0.3%	34	123.6	0.4
HAS	↑ 7.0%	2.1%	378	36.1	0.8
BTT	↑ 6.9%	4.6%	1,230	37.5	1.7
HVX	↑ 6.9%	0.9%	98	45.4	0.4
DLG	↑ 6.9%	-30.1%	(2,987)	-	0.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
V21	↑ 10.0%	0.3%	31	193.4	0.6
ACM	↑ 10.0%	0.0%	2	1,276.4	0.4
VFG	↑ 9.9%	17.4%	5,085	9.9	1.7
HKT	↑ 9.9%	1.3%	151	47.0	0.6
MCF	↑ 9.8%	8.8%	971	11.5	1.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	2,032,800	8.5%	1,048	33.8	2.7
STB	855,200	9.6%	1,487	15.0	1.4
HPG	537,400	25.1%	4,060	12.2	2.8
HDB	488,400	18.8%	2,667	10.4	1.8
POW	401,500	7.8%	1,010	13.8	1.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	554,700	19.6%	3,317	10.2	1.9
SHS	325,300	25.5%	3,639	8.6	2.0
ACM	275,400	0.0%	2	1,276.4	0.4
TC6	54,900	2.2%	222	24.3	0.5
TIG	42,100	5.7%	793	13.9	0.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	431,936	4.3%	1,586	80.5	3.2
VCB	377,935	21.1%	4,975	20.5	4.0
VHM	330,596	35.6%	8,315	12.1	3.7
VNM	209,205	35.0%	5,313	18.8	6.2
BID	183,203	8.9%	1,740	26.2	2.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	68,635	61.8%	7,772	25.2	12.9
SHB	43,763	12.3%	1,552	16.1	1.8
BAB	20,617	7.3%	830	35.1	2.5
VCS	15,408	39.1%	9,061	10.6	4.0
IDC	12,030	7.0%	1,005	39.9	2.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	3.50	2.6%	274	54.0	1.3
KPF	3.49	9.8%	871	15.0	1.1
BSI	2.38	8.9%	1,047	14.8	1.3
HAH	2.29	10.7%	2,695	9.2	0.9
CTS	2.27	9.3%	1,205	14.3	1.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	2.51	0.0%	5	1,547.1	0.7
VIG	2.48	-2.0%	(113)	-	1.3
THD	2.30	61.8%	7,772	25.2	12.9
BVS	2.16	7.2%	1,839	13.6	1.0
WSS	2.16	2.0%	206	44.1	0.9



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---